

HIỆP ĐỊNH
KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ GIỮA CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ
NGHĨA VIỆT NAM VÀ CỘNG HOÀ ÁO
Ngày 27 tháng 03 năm 1995

Với mong muốn tạo điều kiện thuận lợi nhằm mở rộng hơn các quan hệ hợp tác kinh tế giữa các Bên ký kết. Nhận thấy rằng việc khuyến khích và bảo hộ đầu tư sẽ tăng cường các khả năng về đầu tư và qua đó đóng góp một phần quan trọng vào sự phát triển quan hệ kinh tế giữa hai nước. Hai bên đã thỏa thuận như sau:

Điều 1
Định nghĩa

Với mục đích của Hiệp định này:

- (1) Thuật ngữ "đầu tư" bao gồm mọi loại tài sản, đặc biệt nhưng không chỉ là:
- a) Sở hữu động sản và bất động sản cũng như các quyền khác về tài sản như quyền thế chấp, thế nợ, cầm cố, quyền hoa lợi và các quyền tương tự;
 - b) Cổ phần và các hình thức tham gia khác vào công ty;
 - c) Các khiếu nại về tiền được đưa ra nhằm tạo ra một giá trị kinh tế hoặc các khiếu nại về bất kỳ một sự thực hiện nào có giá trị kinh tế;
 - d) Quyền bản quyền, các quyền sở hữu trí tuệ như bằng phát minh sáng chế, nhãn hiệu thương mại, kiểu dáng công nghiệp và giải pháp hữu ích, qui trình công nghệ, bí quyết, tên thương mại và đặc quyền kế nghiệp;
 - e) Các tô nhượng kinh doanh về thăm dò và khai thác tài nguyên theo Luật công pháp.
- (2) Thuật ngữ "nhà đầu tư" về phía Cộng hoà Áo chỉ:
- a) Bất kỳ thể nhân nào là công dân nước Cộng hoà Áo và có đầu tư tại lãnh thổ của Bên ký kết kia;
 - b) Bất kỳ pháp nhân hoặc liên doanh nào được thành lập phù hợp

Điều 2
Khuyến khích và bảo hộ đầu tư

- (1) Mỗi Bên ký kết, trong chừng mực có thể, sẽ khuyến khích trên lãnh thổ của mình những đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia, và chấp thuận những đầu tư đó trên cơ sở phù hợp với luật pháp nước mình và trong mọi trường hợp sẽ đối xử công bằng và thỏa đáng đối với những đầu tư đó.
- (2) Những đầu tư được chấp nhận theo quy định tại khoản (1), Điều 1 và những thu nhập của họ sẽ được hưởng sự bảo hộ toàn diện theo Hiệp định này. Không ảnh hưởng đến các quy định tại khoản (1), một sự bảo hộ tương tự cũng sẽ được áp dụng đối với những thu nhập dùng để tái đầu tư, cũng như đối với việc gia hạn, sửa đổi hoặc chuyển đổi về mặt pháp lý của dự án đầu tư.

Điều 3

Đối xử đối với những đầu tư

- (1) Mỗi Bên ký kết sẽ dành cho nhà đầu tư và những đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia một sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà nước đó dành cho các nhà đầu tư và những đầu tư của các nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào.
- (2) Những quy định tại khoản (1) sẽ không được hiểu như là nghĩa vụ của một Bên ký kết phải dành cho các nhà đầu tư và các đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia những lợi ích hiện tại hoặc tương lai của bất kỳ sự đối xử, ưu đãi hoặc đặc quyền nào phát sinh từ:
 - a) Các liên minh thuế quan, thị trường chung, khu vực tự do thương mại hoặc liên minh kinh tế;
 - b) Các Hiệp định quốc tế, thỏa thuận quốc tế hoặc luật pháp trong nước về thuế;
 - c) Các quy định về việc tạo thuận lợi cho việc giao lưu qua biên giới;
 - d) Sự đối xử giống như công dân nước mình áp dụng đối với một nước thứ ba khác trên cơ sở Hiệp định song phương về đầu tư.

Điều 4

Bồi thường

- (1) Những đầu tư của các nhà đầu tư của một trong các Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia sẽ không bị tước quyền sở hữu trừ khi vì mục đích công cộng theo qui trình do Luật định và được bồi thường. Khoản bồi thường này phải tương ứng với giá trị của những đầu tư đó vào thời điểm ngay trước khi các biện pháp tước quyền đã hoặc sẽ được công bố chính thức. Các khoản bồi thường phải được trả ngay không chậm trễ và chịu lãi cho đến thời điểm thanh toán theo lãi suất ngân hàng thông thường của nước chuyển đổi và được tự do chuyển ra nước ngoài. Việc xác định thanh toán những khoản bồi thường đó phải được tiến hành theo một phương thức thích hợp không chậm hơn thời điểm tước quyền sở hữu.
- (2) Khi một Bên ký kết tước quyền sở hữu các tài sản của công ty mà công ty đó được coi là công ty của Bên ký kết đó phù hợp với khoản (2), Điều 1 của Hiệp định này và tại công ty này, nhà đầu tư của Bên ký kết kia có sở hữu cổ phần, thì các quy định tại khoản (1) sẽ được áp dụng để bảo đảm việc

Điều 5

- (1) Mỗi Bên ký kết sẽ đảm bảo cho các nhà đầu tư của Bên ký kết kia được chuyển tự do ra nước ngoài bằng đồng tiền tự do chuyển đổi những khoản thanh toán có liên quan tới đầu tư, đặc biệt nhưng không chỉ gồm:
 - a) Vốn và các khoản bổ sung để duy trì hoặc mở rộng đầu tư;
 - b) Các khoản được xác định dùng để bù đắp các chi phí về quản lý đầu tư;
 - c) Các khoản thu nhập;
 - d) Các khoản tiền vay;
 - e) Các khoản thu từ việc thanh lý toàn bộ hay một phần hoặc từ việc bán đầu tư;
 - f) Các khoản bồi thường theo quy định tại khoản (1), Điều 4 của Hiệp định này

- (2) Những thanh toán nêu tại Điều này sẽ được thực hiện theo tỷ giá chuyển đổi có hiệu lực vào ngày chuyển tiền được công bố tại lãnh thổ của Bên ký kết mà từ đó tiền được chuyển ra nước ngoài.
- (3) Tỷ giá chuyển đổi được xác định trên cơ sở các tỷ giá công bố tại các thị trường chứng khoán trên lãnh thổ của mỗi Bên ký kết

Điều 6

Thế quyền

Khi Bên ký kết này hoặc một tổ chức được ủy quyền của Bên ký kết đó thực hiện việc thanh toán cho nhà đầu tư của mình trên cơ sở một bảo đảm về đầu tư được tiến hành trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, thì Bên ký kết kia, không ảnh hưởng đến các quyền của nhà đầu tư của Bên ký kết này theo quy định tại Điều 8 của Hiệp định và quyền của Bên ký kết này theo quy định tại Điều 9 của Hiệp định, sẽ công nhận sự chuyên nhượng cho Bên ký kết này tất cả các quyền và các khiếu nại của nhà đầu tư theo các quy định của Luật hoặc theo các giao dịch mang tính chất pháp lý. Bên ký kết kia cũng sẽ công nhận sự thế quyền của Bên ký kết này đối với các quyền và các khiếu nại được chuyên nhượng trong chừng mực giống như là đối với các quyền và các khiếu nại mà nhà đầu tư được hưởng. Đối với việc chuyển các khoản thanh toán cho Bên ký kết kia có liên quan trên cơ sở sự thế quyền, Điều 4 và 5 của Hiệp định sẽ được áp dụng một cách tương ứng.

Điều 7

Những nghĩa vụ khác

- (1) Nếu Bên cạnh Hiệp định này, các quy định của luật pháp của một trong các Bên ký kết hoặc các nghĩa vụ quốc tế đang tồn tại hiện tại hoặc được thiết lập sau đó giữa các Bên ký kết có các quy định, chung hoặc đặc biệt, về việc dành cho các đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia một sự đối xử thuận lợi hơn sự đối xử quy định tại Hiệp định này, thì các quy định đó, trong chừng mực thuận lợi hơn sẽ được áp dụng.
- (2) Mỗi Bên ký kết sẽ tôn trọng các nghĩa vụ hợp đồng mà mỗi Bên ký kết với nhà đầu tư của Bên ký kết kia liên quan đến các đầu tư đã được chấp thuận trên lãnh thổ của nước mình.

Điều 8

Giải quyết tranh chấp về đầu tư

- (1) Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ đầu tư giữa một Bên ký kết và nhà đầu tư của Bên ký kết kia, trong chừng mực có thể, sẽ được giải quyết thông qua thương lượng hòa giải các Bên tranh chấp.
- (2) Nếu vụ tranh chấp theo như quy định tại khoản (1) không được giải quyết trong vòng ba tháng từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản nêu đầy đủ các chi tiết về việc khiếu nại, thì vụ tranh chấp, theo yêu cầu của Bên ký kết tham gia tranh chấp hoặc của nhà đầu tư của Bên ký kết kia, sẽ được đưa ra giải quyết thông qua một Hội đồng trọng tài gồm ba trọng tài viên phù hợp với các quy tắc về trọng tài của UNCITRAL đã được bổ sung theo các quy định bổ sung cuối cùng được các Bên ký kết chấp thuận vào thời điểm khởi

xướng các thủ tục về trọng tài. Các Bên ký kết sẽ tự nguyện đưa vụ tranh chấp ra xét xử tại Hội đồng trọng tài ngay cả trong trường hợp chưa có thỏa thuận về trọng tài.

(3) Phán quyết của Hội đồng trọng tài là quyết định cuối cùng và có giá trị bắt buộc; và sẽ thực hiện ph

Điều 9

Giải quyết tranh chấp giữa các bên ký kết

- (1) Những tranh chấp giữa các Bên ký kết liên quan tới giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này, trong chừng mực có thể, sẽ được giải quyết thông qua thương lượng.
- (2) Nếu vụ tranh chấp theo khoản (1) không được giải quyết trong vòng 6 tháng, thì theo yêu cầu của một trong hai Bên ký kết, vụ tranh chấp sẽ được đưa ra Hội đồng trọng tài.
- (3) Hội đồng trọng tài này được thành lập trong từng trường hợp cụ thể theo cách sau: mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một thành viên và hai thành viên này sẽ thỏa thuận chọn một công dân của một nước thứ ba làm Chủ tịch. Hai thành viên này sẽ được chỉ định trong vòng hai tháng kể từ ngày một Bên ký kết có thông báo cho Bên ký kết kia ý định đưa vụ tranh chấp ra Hội đồng trọng tài, Chủ tịch sẽ được chỉ định trong vòng hai tháng tiếp theo.
- (4) Nếu thời hạn quy định tại khoản (3) không được tôn trọng, thì mỗi Bên ký kết, trong trường hợp không có các thỏa thuận tương tự, có thể mời Chủ tịch của Tòa án quốc tế tiến hành sự chỉ định cần thiết. Nếu Chủ

Điều 10

Áp dụng hiệp định

Hiệp định này sẽ được áp dụng đối với những đầu tư được thực hiện bởi nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết trên lãnh thổ của bên ký kết kia phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đó trước cũng như sau khi Hiệp định này có hiệu lực.

Điều 11

Hiệu lực và thời hạn của Hiệp định

- (1) Hiệp định này phải được phê chuẩn hoặc phê duyệt phù hợp với pháp luật của mỗi Bên ký kết và có hiệu lực kể từ ngày đầu của tháng thứ ba kể từ tháng hai Bên thông báo cho nhau bằng văn bản về việc đã hoàn thành các thủ tục luật pháp cần thiết để Hiệp định có hiệu lực.
- (2) Hiệp định này sẽ có hiệu lực trong thời hạn là mười (10) năm; và có thể được gia hạn thêm sau đó với một thời hạn không hạn định và có thể được chấm dứt nếu có thông báo trước 12 tháng bằng văn bản cho Bên ký kết kia qua đường ngoại giao.
- (3) Những quy định tại Điều 1 đến 10 sẽ còn tiếp tục có hiệu lực thêm mười năm nữa kể từ ngày hết hiệu lực của Hiệp định này đối với những đầu tư được thực hiện trước ngày hết hạn Hiệp định.

Làm tại Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 1995 thành hai bản, bằng tiếng Việt Nam, tiếng Đức và tiếng Anh, các bản có giá trị ngang nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau, thì sẽ căn cứ vào bản tiếng Anh.

